

UBND TỈNH THANH HOÁ
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 137/SYT-QLD

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 01 năm 2018

V/v mua thuốc ngoài danh mục
thuốc trúng thầu tập trung năm 2018

Kính gửi:

- Các bệnh viện công lập trong ngành;
- Bệnh viện 71 TW;
- Bệnh viện Công an tỉnh;
- Bệnh viện ĐD PHCN TW;
- Phòng khám đa khoa Giao thông vận tải.

Sở Y tế Thanh Hoá nhận được Công văn số 01/CV-BVĐK ngày 02/01/2018 của bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa về việc danh mục thuốc bệnh viện dự kiến không trúng thầu năm 2018; Công văn số 02/CV-BVUB ngày 02/01/2018 về việc danh mục thuốc dự kiến không trúng thầu năm 2018 và Công văn số 05/CV-BVUB về việc mua thuốc phục vụ cấp cứu năm 2018 của bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa.

Giám đốc Sở có ý kiến như sau:

Ngày 29/12/2017, Giám đốc Sở Y tế đã ban hành Quyết định số 2065/QĐ-SYT về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu số 1: Mua thuốc tân dược, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền trong các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2018 và Quyết định số 2066/QĐ-SYT về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu số 2: Mua vị thuốc cổ truyền trong các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2018.

Kết quả 02 gói thầu nêu trên có 290 mặt hàng không lựa chọn được nhà thầu trúng thầu, lý do: 109 mặt hàng không có nhà thầu tham dự thầu; 65 mặt hàng tham dự thầu có giá dự thầu cao hơn giá kế hoạch được phê duyệt; 116 mặt hàng không trúng thầu do giá kê khai, kê khai lại chưa được Bộ Y tế công bố, do loại về kỹ thuật nhà thầu hoặc sản phẩm...

Sở Y tế đã báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và đang xây dựng kế hoạch để tổ chức đấu thầu mua bổ sung một số mặt hàng thuốc trong số 290 mặt hàng thuốc không lựa chọn được nhà thầu trúng thầu nêu trên.

Để đảm bảo đủ thuốc, đáp ứng kịp thời nhu cầu khám và chữa bệnh cho nhân dân các đơn vị được tự tổ chức mua một số loại thuốc ngoài danh mục thuốc trúng thầu theo Quyết định 2065/QĐ-SYT, Quyết định 2066/QĐ-SYT của Giám đốc Sở Y tế Thanh Hóa.

Việc mua thuốc của của các cơ sở y tế phải tuân thủ các quy định về đấu thầu mua thuốc, đối với một số loại thuốc Sở Y tế đấu thầu bổ sung chỉ thực hiện cung ứng đến khi có kết quả trúng thầu bổ sung được công bố (Có danh mục dự kiến đấu thầu bổ sung tập trung đính kèm công văn này để các đơn vị tham khảo).

Sở Y tế thông báo để đơn vị biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BHXH tỉnh (p/h);
- Lưu: VT, QLD.

GIÁM ĐỐC



Trịnh Hữu Hùng

DANH MỤC THUỐC DỰ KIẾN ĐẦU THẦU BỔ SUNG NĂM 2018

**NHÓM 1: THUỐC ĐƯỢC SX TẠI CÁC CƠ SỞ SX THUỘC CÁC NƯỚC THAM GIA ICH ĐẠT TIÊU CHUẨN EU-GMP HOẶC PIC-GMP;
HOẶC SX TẠI CÁC CƠ SỞ THUỘC VIỆT NAM ĐẠT TIÊU CHUẨN WHO-GMP DO BYT CẤP GCN VÀ ĐƯỢC CƠ QUAN QUẢN LÝ
CÓ THẨM QUYỀN CỦA CÁC NƯỚC THAM GIA ICH HOẶC AUSTRALIA**

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Tổng số lượng
1	G1N1.13	Morphin	10mg/ml	Dung dịch tiêm/truyền	Lọ/Ống	32.680
2	G1N1.437	Ifosfamid	1g/25ml	Dung dịch tiêm/truyền	Lọ	500
3	G1N1.168	Sắt protein succinylat	800mg; 15ml	Dung dịch uống	Lọ/ống	9.000
4	G1N1.174	Tranexamic acid	250mg/5ml	Dung dịch tiêm/truyền	Lọ/Ống	63.650
5	G1N1.179	Yếu tố IX	600IU	Bột đông khô pha tiêm	Lọ/Ống	50
6	G1N1.208	Perindopril + Amlodipin	4mg + 5mg	Viên nén, uống	Viên	374.000
7	G1N1.319	Insulin tác dụng nhanh, ngắn	40UI/ml	Hỗn dịch tiêm	Lọ/Ống	10.078
8	G1N1.322	Insulin hỗn hợp	(30/70) 40UI/ml	Hỗn dịch tiêm	Lọ/Ống	84.200
9	G1N1.324	Insulin tác dụng kéo dài	40UI/ml	Hỗn dịch tiêm	Lọ/Ống	11.760
10	G1N1.329	Propylthiouracil	50mg	Viên nén, uống	Viên	835.000
11	G1N1.377	Olanzapin	10mg	Viên nén phân tán, uống	Viên	25.000

**NHÓM 2. THUỐC SX TẠI CÁC CƠ SỞ ĐẠT EU-GMP HOẶC PIC/s-GMP NHƯNG KHÔNG THUỘC CÁC NƯỚC THAM GIA ICH; HOẶC THUỐC
NHƯỜNG QUYỀN TỪ CƠ SỞ ĐẠT TIÊU CHUẨN EU-GMP HOẶC PIC/s-GMP THUỘC CÁC NƯỚC THAM GIA ICH VÀ ĐƯỢC SX TẠI CƠ SỞ SX THUỘC
DO BYT VIỆT NAM (CỤC QLD) CẤP GCN ĐẠT TIÊU CHUẨN WHO-GMP**

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Tổng số lượng
1	G1N2.10	Paracetamol	1g/100ml	Dung dịch tiêm/truyền	Chai/Lọ	21.680
2	G1N2.22	Oxcarbazepine	300mg	Viên nén bao phim, Uống	Viên	37.300
3	G1N2.256	Gemcitabine	1g	Bột đông khô pha tiêm	Lọ	1.000
4	G1N2.119	Tinh bột este hóa (hydroxyethyl starch)	200/0,5; 6%/400ml	Dung dịch tiêm/truyền	Chai/Lọ	4.814
5	G1N2.148	Ramipril	5mg	viên nén, uống	Viên	388.000
6	G1N2.168	Clobetasol propionat	0,568%	Kem dùng ngoài	Tuýp	6.924
7	G1N2.169	Fusidic acid	2%; 5g	Kem dùng ngoài	Tuýp	9.400
8	G1N2.170	Betamethason + Acid salicyclic	0,64mg + 30mg; 15g	Thuốc mỡ, Dùng ngoài	Tuýp	31.500
9	G1N2.197	Betamethason	0,064%; 15g	Kem dùng ngoài	Tuýp	16.600
10	G1N2.200	Budesonid	0,2%	Thuốc xịt	Ống/Lọ	5.390
11	G1N2.201	Budesonide	0,5mg/2ml	Dung dịch khí dung	Lọ/Ống	59.500
12	G1N2.214	Metformin	1000mg	Viên nén phóng thích kéo dài, uống	Viên	225.000
13	G1N2.234	Salbutamol	2,5mg/2,5ml	Dung dịch khí dung	Lọ/Ống	164.300
14	G1N2.262	Filgrastim	300mcg/ml	Bơm đóng sẵn dd tiêm	Bơm	600
15	G1N2.263	Pegfilgrastim	6mg/0,6ml	Bơm đóng sẵn dd tiêm	Bơm	180

NHÓM 3: THUỐC SẢN XUẤT TẠI CƠ SỞ ĐẠT TIÊU CHUẨN GMP-WHO ĐƯỢC BỘ Y TẾ VIỆT NAM (CỤC QUẢN LÝ DƯỢC) CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Tổng số lượng
1	G1N3.3	Diazepam	10mg/2ml	Dung dịch tiêm/truyền	Lọ/Ống	47.370
2	G1N3.23	Morphin	30mg	Viên nang cứng, Uống	Viên	57.900
3	G1N3.266	Clotrimazol + Metronidazol	100mg + 500mg	Viên nén đặt âm đạo	Viên	58.200
4	G1N3.381	Benzoic acid + salicylic acid	6% + 3%/10g	Thuốc mỡ, dùng ngoài	Tuýp	23.330
5	G1N3.500	Dexamethason + Neomycin	10mg + 34.000UI; 10ml	Dung dịch nhỏ mắt/mũi/tai	Lọ/Ống	12.300
6	G1N3.539	Diazepam	5mg	Viên nén, uống	Viên	752.600
7	G1N3.571	Salbutamol	0,5mg/ml	Dung dịch tiêm/truyền	Lọ/Ống	345.630
8	G1N3.575	Salbutamol	4mg	Viên nén, uống	Viên	1.118.400
9	G1N3.614	Manitol	20%; 500ml	Dung dịch tiêm/truyền	Chai/Lọ	6.283
10	G1N3.616	Natri clorid	0,9%; 500ml	Dung dịch tiêm/truyền	Chai	1.613.000

NHÓM 4: THUỐC CÓ CHỨNG MINH TĐSH DO BỘ Y TẾ CÔNG BỐ

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Tổng số lượng
1	G1.N4.32	Cefuroxim	250mg; 3g	Bột pha hỗn dịch uống	Gói/Túi	178.500
2	G1.N4.69	Metformin + Glibenclamid	500mg + 2,5mg	Viên nén bao phim, uống	Viên	1.196.000

NHÓM 5: NHÓM THUỐC KHÔNG ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ NHÓM 1, 2, 3, 4

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Tổng số lượng
1	G1N5.17	Phenobarbital	100mg/ml	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống	20.010
2	G1N5.116	Bortezomib	2mg	Bột đông khô	Lọ	100
3	G1N5.47	Heparin	5.000UI/ml; 5ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Lọ	12.500
4	G1N2.245	Glucose	5%; 500ml	Dung dịch tiêm/truyền	Chai/Lọ	483.300
5	G1N2.247	Natri clorid	0,9%, 500ml	Dung dịch tiêm/truyền	Chai/Lọ	1.077.700
6	G1N2.249	Ringer lactat	500ml	Dung dịch tiêm/truyền	Chai/Lọ	320.900

DANH MỤC THUỐC BIỆT ĐƯỢC GỐC HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG ĐIỀU TRỊ

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Tên biệt dược	Dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Tổng số lượng
1	G2BD.1	Isofluran	100ml	Forane 100ml	DD Gây mê qua đường hô hấp	Chai	687
2	G2BD.2	Isofluran	250ml	Forane 250ml	DD Gây mê qua đường hô hấp	Chai	85
3	G2BD.5	Sevofluran	250ml	Sevorane 250ml	DD Gây mê qua đường hô hấp	Chai	332
4	G2BD.101	Nimodipine	10mg/50ml	Nimotop inj 10mg 50ml	Dung dịch tiêm/truyền	Chai	345